

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2023/DS-ST

Ngày: 10 /3/2023

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Đức Bản

2. Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình:
Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 19/2023/TB-TA ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Hoàng C; sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 39 đường Trần Mạnh Đ, Tổ dân phố 8, phường Nam L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị N; sinh năm 1970; Địa chỉ: Nhà Số 03, ngõ 42 đường Xuân T, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, ông Trần Hoàng C, trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ông Trần Hoàng C và bà Võ Thị N đã ký kết Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Trần Trọng K, tỉnh Quảng Bình công chứng vào ngày 09/3/2022, số công chứng 920, quyển số 03/2022 TP/CC- SCC/HĐGD. Nội dung hợp đồng như sau: ông C cho bà Võ Thị N vay số tiền là 70.000.000 đồng, thời

hạn vay 02 tháng kể từ ngày Hợp đồng được công chứng, lãi suất tiền vay 1,1%/tháng, phương thức cho vay bằng tiền mặt. Trong thời hạn Hợp đồng có hiệu lực, mức lãi suất cho vay đã thỏa thuận không thay đổi. Tiền lãi được trả vào ngày kết thúc Hợp đồng. Thời hạn thanh toán nợ quá hạn không quá 10 ngày nếu không có thỏa thuận nào khác của hai bên.

Sau khi ký kết hợp đồng, bà N đã nhận đủ 70.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hạn thanh toán ngày 09/5/2022, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ông C. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán bà Võ Thị N vẫn không thanh toán số tiền cả gốc và lãi theo cam kết. Vì vậy ông C làm đơn yêu cầu bà Võ Thị N thanh toán cho ông C số tiền gốc là 70.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng 71.500.000 đồng.

* Bị đơn bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự nhưng bà N không hợp tác, không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả khoản nợ gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền bà Võ Thị N phải trả cho ông C là 71.500.000 đồng; Về án phí: áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 13, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Theo nguyên đơn trình bày, ngày 09/3/2022 bà N có đến vay ông C số tiền là 70.000.000 đồng với lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn trả là ngày 09/5/2022. Nhiều lần ông C đã tìm cách gặp để trao đổi, hỏi thúc bà N trả nợ, nhưng bà N đều từ chối gặp ông C. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán bà N không thực hiện theo cam kết vay tiền mà hai bên đã ký. Dù nhiều lần nguyên đơn hỏi thúc và tạo điều kiện thanh toán cho bà N nhưng đều không có kết quả. Tại phiên tòa nguyên đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị N thanh toán cho ông C số tiền gốc là 70.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng 71.500.000 đồng. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp kiện đòi lại tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn

và có lỗi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải tổng đạt cho bị đơn bằng cả hình thức gửi thư bảo đảm có ký nhận và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại Tòa án theo thời gian quy định. Ngày 10/11/2022 Toà án ban hành Công văn số 2274 về việc đề nghị Công an thành phố Đồng Hới cung cấp thông tin xác minh tình trạng cư trú của bà N tại địa phương. Ngày 25/11/2022 Công an thành phố Đồng Hới đã ban hành Công văn số 4423 với nội dung: Bà Võ Thị N sinh ngày 20/7/1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 03, ngõ 42 Xuân T, Tổ dân phố 13, phường Bắc L, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình, từ ngày 13/9/2017 đến nay chưa cất chuyển hộ khẩu đi đâu. Số hộ khẩu 18859-005636, chủ hộ là Phan Văn S, quan hệ với chủ hộ là vợ, hiện nay bà Võ Thị N đang sinh sống và có mặt tại nơi đăng ký thường trú. Do bị đơn không đến Toà án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, ấn định thời gian mở phiên toà vào ngày 13/02/2023. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023. Phiên tòa mở lại vào ngày 10/3/2023 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Võ Thị N thanh toán cho nguyên đơn - ông C số tiền gốc là 70.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền lãi suất; tổng cộng 71.500.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền được ký kết ngày 09/3/2022, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tiền được xác lập và ký kết giữa ông Trần Hoàng C và bà Võ Thị N là tự nguyện, được Văn phòng Công chứng Trần Trọng K, tỉnh Quảng Bình công chứng vào ngày 09/3/2022, số công chứng 920, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi ký kết hợp đồng, bà N đã nhận số tiền gốc 70.000.000 đồng. Theo hợp đồng, đến ngày 09/5/2022 bà N phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông C nhưng bà N không thực hiện. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông C yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc theo Hợp đồng vay tiền là 70.000.000 đồng và số tiền lãi 1.500.000 đồng. Theo hợp đồng, số tiền lãi bà N phải trả là $70.000.000 \text{ đồng} \times 1,1\% \times 2 = 1.540.000 \text{ đồng}$. Số tiền gốc bà N vay của ông C là 70.000.000 đồng, tiền lãi là 1.540.000 đồng. Bà N đã biết việc ông C khởi kiện nội dung trên nhưng bà N không phản đối, không đến Tòa án trình bày ý kiến. Căn cứ vào khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà N phải trả số tiền 71.500.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn – bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $71.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.575.000 \text{ đồng}$ để sung quỹ Nhà nước.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326 / 2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Trần Hoàng C.

Buộc Bị đơn: Bà Võ Thị N phải trả số tiền gốc đã vay **70.000.000 đồng và số tiền lãi 1.500.000 đồng** cho ông Trần Hoàng C theo Hợp đồng vay tiền được xác lập và ký kết giữa ông Trần Hoàng C và bà Võ Thị N được Văn phòng Công chứng Trần Trọng K, tỉnh Quảng Bình công chứng vào ngày 09/3/2022, số công chứng 920, quyền số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1 Buộc Bị đơn bà Võ Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **3.575.000 đồng** để sung quỹ Nhà nước.

2.2 Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - ông Trần Hoàng C số tiền tạm ứng án phí **1.787.500 đồng** đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/ 0001282 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/3/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa